

Bản án số: 407/2024/HS-ST

Ngày: 31-12-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU,
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Ngô Thị Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Song Hoàn; Ông Hà Văn Trường.

- Thư ký phiên toà: Bà Đậu Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 410/2024/TLST-HS ngày 09 tháng 12 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 445/2024/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 12 năm 2024, đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Mỹ N (Tên gọi khác: Không), sinh năm: 2003 tại tỉnh Đồng Tháp; Nơi đăng ký thường trú: Xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; Chỗ ở: Số A đường T, Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Nghề nghiệp: Sinh viên trường Đại học B; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1974 và con bà Nguyễn Thị S, sinh năm: 1978; Bị cáo là con thứ nhất trong gia đình có hai chị em.

Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21-8-2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố V, hiện đang tại ngoại. (Có mặt)

Bị hại: Công ty Cổ phần D.

Địa chỉ: Số B đường L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người địa diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị P – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn A, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: C Chung cư J, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Mỹ N là nhân viên của cửa hàng W+ tại địa chỉ số C đường T, Phường C, TP V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (theo hợp đồng lao động số 06099457/HĐ-WCM/2022-01 ngày 03/01/2023 giữa Công ty cổ phần D và Nguyễn Thị Mỹ N trong thời gian từ ngày 27/12/2022 đến ngày 04/04/2023). Quá trình làm việc tại đây, N được Công ty phân công nhiệm vụ: Quản lý hàng hoá tại cửa hàng; bán hàng; thu ngân tiền khách hàng đến cửa hàng để mua sắm và thanh

toán (theo cấp bậc nhân viên 6A, quy chế làm việc của Công ty). Do cần tiền để giải quyết việc cá nhân nên trong khoảng thời gian từ ngày 01/02/2023 đến ngày 25/03/2023 lợi dụng nhiệm vụ được phân công N đã chiếm đoạt tiền của cửa hàng W với tổng số tiền là 25.161.000 đồng với phương thức, thủ đoạn, cụ thể như sau:

Hàng ngày, khi N vào ca làm việc thì N sẽ trực tiếp đứng tại quầy thanh toán để thu tiền từ khách hàng đến cửa hàng mua sắm bằng hình thức thu tiền mặt thanh toán của khách hàng trực tiếp tại quầy thanh toán hoặc khách hàng thanh toán thông qua hình thức chuyển khoản. Để tránh việc cửa hàng phát hiện việc N chiếm đoạt tiền của cửa hàng, khi khách hàng chọn sản phẩm cần mua xong, khách hàng sẽ đến quầy thanh toán đặt tại gần cửa ra vào của cửa hàng, lúc này N sẽ sử dụng máy quét mã hàng hoá của cửa hàng để quét mã hàng hoá, khi quét hàng hoá thì máy tính tại quầy sẽ tự động hiển thị mặt hàng khách hàng đã lựa chọn mua và giá thành của sản phẩm. Sau khi quét hàng hoá xong, máy tính sẽ hiển thị tổng số tiền hàng và N sẽ thông báo tổng giá tiền cho khách biết để khách hàng thanh toán. Khách hàng sẽ thanh toán tiền mua hàng cho N bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản. Đối với khách hàng thanh toán bằng tiền mặt thì khi nhận được tiền khách hàng thanh toán và họ không yêu cầu hóa đơn bán lẻ nên N sẽ thực hiện thao tác xóa lịch sử thanh toán của khách hàng trên máy bán hàng, sau đó cất giấu số tiền này vào túi quần và chiếm đoạt toàn bộ số tiền. Ngoài ra, để tránh cửa hàng phát hiện, đối với những trường hợp khách đưa dư tiền, N sẽ lấy tiền của cá nhân để trả lại cho khách. Đối với trường hợp khách hàng thanh toán bằng hình thức chuyển khoản thì N sẽ cung cấp cho khách hàng số tài khoản cá nhân của N (số tài khoản 938531003, mở tại ngân hàng T1, chi nhánh V, chủ tài khoản NGUYEN THI MY NGAN) để khách hàng chuyển khoản thanh toán, khi khách hàng chuyển khoản thành công nếu trường hợp khách hàng không yêu cầu hóa đơn thì N sẽ thực hiện thao tác xóa lịch sử thanh toán của khách hàng trên máy bán hàng và chiếm đoạt số tiền mà khách hàng đã chuyển khoản thanh toán. Trường hợp nếu khách hàng yêu cầu hóa đơn thì N sẽ trả lại số tiền khách đã chuyển cho cửa hàng.

Quá trình làm việc với Cơ quan CSĐT Công an T, Nguyễn Thị Mỹ N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và chứng cứ, tài liệu thu thập được trong quá trình điều tra vụ án. (Theo bút lục điều tra từ số 23 đến số 29; từ số 148 đến số A; từ số 181 đến số A).

* Việc thu giữ tài liệu, đồ vật, tài sản, vật chứng: Không.

Về trách nhiệm dân sự: Công ty cổ phần D đã nhận được số tiền bị thiệt hại do bị cáo N bồi thường, không yêu cầu gì thêm.

Tại Bản cáo trạng số 378/CT-VKS ngày 30-11-2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Mỹ N về tội “Tham ô tài sản” theo khoản 1 Điều 353 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu giữ nguyên nội dung cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo N, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo N phạm tội “Tham ô tài sản”; Áp dụng khoản 1 Điều 353, Điều 38, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị

Mỹ N từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù; Xử lý tài sản, đồ vật, vật chứng và trách nhiệm dân sự: Đề nghị không giải quyết.

Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố, không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện là hợp pháp.

[1.2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Đại diện bị hại anh Nguyễn Văn A vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có tự khai, lời khai và không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh A theo quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo được xác định như sau:

Căn cứ lời khai nhận hành vi của bị cáo tại phiên tòa, đối chiếu lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại và các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:

Nguyễn Thị Mỹ N là nhân viên làm việc tại cửa hàng W, địa chỉ số C đường T, phường C, TP V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu được giao nhiệm vụ là quản lý hàng hoá, bán hàng và thu tiền của khách hàng thanh toán. Lợi dụng nhiệm vụ được giao, trong thời gian từ ngày 01/02/2023 đến ngày 25/03/2023 lợi dụng nhiệm vụ được phân công N đã thực hiện hành vi gian lận chiếm đoạt của cửa hàng số tiền 25.161.000đ (Hai mươi lăm triệu, một trăm sáu mươi một nghìn đồng). Vì vậy, hành vi của bị cáo N đủ yếu tố cấu thành tội “Tham ô tài sản” theo khoản 1 Điều 353 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu đã truy tố là có căn cứ, đúng người đúng tội đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội bị cáo N gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến hoạt động đúng đắn của tổ chức trong khi thực hiện nhiệm vụ, bị cáo có nhận thức xã hội, dù biết việc chiếm đoạt tài sản không thuộc quyền sở hữu của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện nhằm mục đích có tiền tiêu xài cá nhân, ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương và xã hội. Do đó, cần phải xử lý nghiêm, áp dụng mức hình phạt tù có thời hạn tương xứng với tính chất mức độ nguy hiểm đối với hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm chung.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1] Về tình tiết tăng nặng: Không có.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã bồi thường cho bị hại và bị hại xin giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo

quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo N.

[5] Về xử lý vật chứng, tài sản: Không giải quyết.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Không giải quyết.

[7] Về án phí: Bị cáo N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 353; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Mỹ N 02 (Hai) năm** tù “Tham ô tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt để thi hành án.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Nguyễn Thị Mỹ N phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án; Bị hại vắng mặt tại phiên tòa nên thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu TAND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (PV06; PC10);
- VKSND thành phố Vũng Tàu;
- Công an thành phố Vũng Tàu;
- Chi cục THADS thành phố Vũng Tàu;
- Nhà tạm giữ Công an thành phố Vũng Tàu;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Văn thư, hồ sơ vụ án.

Ngô Thị Phụng

